

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Kính gửi: Quý công ty

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu "**Thi công hạng mục đào đất, kết cấu từ móng đến mái, chống mối và xây trát ngoài nhà**" thuộc Dự án "Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia" tại Hòa Lạc, Thạch Thất, TP. Hà Nội theo hình thức chào giá cạnh tranh, sử dụng nguồn vốn tự có, vốn vay và vốn huy động.

1. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai kính mời các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và có điều kiện tham gia chào giá gói thầu nêu trên. Cụ thể:
2. Thông tin về báo giá và yêu cầu kỹ thuật của gói thầu được nêu trong phần quy định chung hồ sơ chào giá cạnh tranh của gói thầu này.
3. Phạm vi công việc: **Thi công hạng mục đào đất, kết cấu từ móng đến mái, chống mối và xây trát ngoài nhà**
4. Giá chào thầu: Là toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Giá chào bao gồm đã bao gồm toàn bộ các chi phí trực tiếp, gián tiếp cần thiết liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng của Bên B như: chi phí vật tư chính, vật tư phụ, hao hụt vật tư), nhân công (gồm cả tiền bảo hiểm xã hội, y tế, thuế thu nhập (nếu có)), máy móc, thiết bị thi công, chi phí lán trại công nhân, chi phí dọn dẹp mặt bằng công trường, toàn bộ chi phí biện pháp thi công, giàn giáo, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí công trường, chi phí vận chuyển (vận chuyển vật tư, chuyên quân, vận chuyển máy móc, thiết bị đi - về phục vụ thi công công trình), chi phí lưu bãi, lưu kho, chi phí trung chuyển (theo phương ngang và phương đứng), nhà điều hành thi công, chi phí y tế, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, chi phí di chuyển và lắp đặt các tiện ích (khí đốt, tiền nước, phí liên lạc, phí xử lý nước thải và chất thải), chi phí bố trí mặt bằng công trường, trắc đạc, các chi phí thí nghiệm vật liệu, nghiệm thu bàn giao, bảo hành, vận hành theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, lợi nhuận của Nhà thầu, tất cả các loại thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, phí bảo hiểm đối với các bảo hiểm mà Nhà thầu có nghĩa vụ phải mua theo pháp luật Việt Nam và các khoản phí hợp lý khác để Nhà thầu hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu cũng như để sửa chữa các sai sót, hư hỏng.
 - **Nhà thầu chào giá theo 2 phương án như sau:**
 - + Phương án 1: Nhà thầu chào toàn bộ bao gồm cả vật tư chính và thiết bị thi công (vận thăng, cầu tháp).
 - + Phương án 2: Nhà thầu chào giá không bao gồm vật tư chính Bên A cấp (thép tròn xây dựng, bê tông thương phẩm) và thiết bị thi công (cầu tháp, vận thăng).
5. Tiến độ thực hiện: 187 ngày.
 - Phần kết cấu dự kiến bắt đầu từ 10/01/2022 kết thúc trước ngày 01/6/2022 và phần xây trát ngoài nhà kết thúc trước ngày 15/7/2022.

6. Hình thức hợp đồng:

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định
- Tạm ứng hợp đồng: tạm ứng 20% giá trị hợp đồng;
- Thu hồi tạm ứng: Thu hồi qua các đợt thanh toán giai đoạn và thu hồi hết khi đạt 80% giá trị của giá trị hợp đồng;
- Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Tương ứng với giá trị tạm ứng của hợp đồng và có hiệu lực đến khi thu hồi hết giá trị tạm ứng;
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Tương đương với 10% giá trị hợp đồng, hiệu lực đến khi hoàn thành toàn bộ nội dung công việc hợp đồng;
- Thanh toán đến 90% giá trị hoàn thành có khấu trừ giá trị tạm ứng tương ứng.
- Khối lượng mời thầu là khối lượng tạm tính, khối lượng thanh quyết toán trên cơ sở khối lượng thực tế nhà thầu thực hiện.

7. Yêu cầu của hồ sơ chào giá: 1 bản gốc bao gồm

- Hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- Hồ sơ kỹ thuật;
- Đơn chào giá: theo mẫu kèm theo (có ký tên và đóng dấu đại diện pháp nhân). Hiệu lực của đơn chào giá không nhỏ hơn 90 ngày.
- Bảng chào giá chi tiết: theo bảng khối lượng mời thầu.

8. Tiêu chí đánh giá: đánh giá dựa trên tiêu chí về tài chính.

9. Địa chỉ tiếp nhận thông tin và hồ sơ yêu cầu về chào giá của bên mời thầu:

Phòng Quản lý dự án - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa tháp Xuân Mai, Tô Hiệu, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội.
- Cán bộ phụ trách: Trần Thanh Lan
- Điện thoại di động: 0988.147.855
- Điện thoại cố định 0243.73038866 – máy lẻ 607.

10. Thời gian nhận hồ sơ yêu cầu từ 14h00 phút ngày 25/11/2021 đến 17h00 phút ngày 30/11/2021

Thời gian nộp hồ sơ chào giá cạnh tranh của nhà thầu là: Trước 12h00 phút ngày 10/12/2021

11. Tất cả những thắc mắc của Quý Công ty xin gửi đến email: lannt@xuanmaicorp.vn, muộn nhất trước thời hạn nộp thầu hai (02) ngày.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai rất mong nhận được sự tham gia của Quý Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổ đấu thầu;
- Lưu QLDA.



I. THÔNG TIN DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

1. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Dự án: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia
- Địa điểm xây dựng: Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội.
- Chủ đầu tư: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia
- Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai.

2. THÔNG TIN GÓI THẦU

- Khối lượng mời thầu: Theo bảng tiên lượng mời thầu kèm theo thư mời này.

Ghi chú:

- Nhà thầu căn cứ hồ sơ thiết kế gửi kèm, kiểm tra lại khối lượng và đặc tính kỹ thuật.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ việc lập HSCG. Bên mời thầu tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSCG thuộc trách nhiệm của Nhà thầu;
- Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với Nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác ;
- Văn phòng, Lán trại công nhân ở ngoài phạm vi khu đất công trình;
- Nhà thầu tự bố trí văn phòng điều hành thi công và lán trại cho công nhân, kỹ thuật ở thời gian thi công tại công trình.

3. YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC, KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

Sử dụng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSCG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về năng lực, kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”.

1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực:

TT	Nội dung	Yêu cầu tối thiểu
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	Giấy đăng ký kinh doanh.	Còn hoạt động
1.2	Số lượng Hợp đồng và biên bản bàn giao đưa vào sử dụng hoặc thanh lý hợp đồng (bản sao công chứng) của nhà thầu đã hoặc đang thực hiện gói thầu tương tự có giá trị >30 tỷ (tính đến thời điểm T10/2021)	03 hợp đồng
1.3	Có chứng chỉ năng lực hoạt động XD công trình tối thiểu cấp 2	
2	Năng lực kỹ thuật	
2.1	Nhân sự thực hiện gói thầu	
a	Cán bộ kỹ thuật	
	Số lượng cán bộ kỹ thuật giám sát là kỹ sư đúng chuyên ngành có thâm niên công tác từ 3 năm trở lên (văn bằng chứng chỉ kèm theo trong hồ sơ năng lực) cụ thể:	

	+ Kỹ sư xây dựng	10 người
b	Công nhân kỹ thuật	
	Số lượng công nhân kỹ thuật có trình độ và khả năng phù hợp với các công việc đảm nhận, có kinh nghiệm >2 năm	30 người
c	Số lượng công nhân tham gia thi công có khả năng huy động để thực hiện công việc (có danh sách kèm theo)	> 300 người
2.2	Số lượng máy móc thiết bị mà nhà thầu huy động để thực hiện gói thầu nhằm đảm bảo tiến độ đề ra.	Có danh sách
3	Năng lực tài chính trong thời gian 02 năm gần đây:	
3.1	Nhà thầu hoạt động không bị thua lỗ trong 2 năm gần nhất 2019, 2020. Có bảng quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm gần nhất, tờ khai thuế giá trị gia tăng năm 2020 (xác nhận của cơ quan thuế đã nộp) hoặc biên bản quyết toán thuế năm gần nhất.	Lợi nhuận > 0 tỷ VNĐ
3.2	Doanh thu trong năm 2020:	≥ 50 tỷ VNĐ
	Kết luận:	
	Nhà thầu đáp ứng được tất cả các tiêu chí 1, 2, 3 ở trên	Đạt
	Nhà thầu không đáp ứng được một trong các tiêu chí 1, 2, 3 ở trên	Không đạt

2. Yêu cầu về thời gian, tiến độ thi công, phương án tổ chức thi công thời gian bảo hành

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Thời gian thực hiện	Tối đa 187 ngày	>187 ngày
2	Tiến độ thi công chi tiết, BPTC	Có tiến độ thi công chi tiết, BPTC	Không có tiến độ thi công chi tiết, BPTC
	Kết luận	Đạt tất cả (2) nội dung trên	Không đạt (1) trong (2) nội dung nêu trên
		Đạt	Không đạt

BIỂU MẪU

Mẫu số 1

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh số ____ [Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá kèm theo, thi công trong thời gian ____ [Ghi tổng thời gian để thi công hoàn thành gói thầu].

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[-Ký đơn chào giá;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSCG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá cạnh tranh.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ (Ghi tên Bên nhận bảo lãnh)

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong hợp đồng,..... (Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng) giữa Công ty CP Đầu tư và xây dựng Xuân Mai – là Bên nhận Bảo lãnh và - là Bên được bảo lãnh phải nộp cho Bên nhận lãnh một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Bên được bảo lãnh sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng(Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng) cho việc thực hiện hợp đồng ;

Chúng tôi,.....(Ghi tên của ngân hàng) có trụ sở đăng ký tại(Ghi địa chỉ số điện thoại, số fax, e-mail của ngân hàng), theo yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang, không yêu cầu nhà thầu phải chấp thuận, và không trì hoãn với bất kỳ lý do nào khác, thanh toán ngay cho Bên nhận bảo lãnh khi có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá(Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng).

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Bên nhận bảo lãnh thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều ... của Hợp đồng sau khi Bên được bảo lãnh xuất trình văn bản xác nhận của Bên nhận bảo lãnh về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Bên được bảo lãnh nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới ngày tháng năm hoặc khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo điều kiện nào đến sớm hơn.

Trước 15 ngày hết thời hạn hiệu của Bảo lãnh này mà Bên nhận bảo lãnh chưa thu hồi tiền tạm ứng của Bên được bảo lãnh thì Ngân hàng sẽ tự động trả lại số tiền chưa thu hồi hết cho Bên nhận bảo lãnh (Hoặc gia hạn ngay thời hạn hiệu lực của bảo lãnh này cho đến khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết tiền tạm ứng với mỗi lần gia hạn là 01 tháng)

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất không có giá trị chuyển nhượng. Mọi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đều phải xuất trình bản gốc của Thư bảo lãnh này, và nội dung của nó được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết./.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Số:

Kính gửi :.....

Địa chỉ: (ghi tên, địa chỉ đăng ký của Bên nhận bảo lãnh)

Căn cứ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng(ghi tên hợp đồng)số..... ngày/...../.....(sau đây gọi là “Hợp đồng”) giữa(ghi tên Bên nhận bảo lãnh) (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”) và khách hàng của chúng tôi là (ghi tên đăng ký của Bên được bảo lãnh) (sau đây gọi là “Nhà thầu”).

Theo đề nghị của Nhà thầu, Chúng tôi - Ngân hàng(ghi tên Ngân hàng) có trụ sở đăng ký tại:.....(sau đây gọi là “Ngân hàng”) đồng ý cấp cho Nhà thầu Thư bảo lãnh này và cam kết thanh toán vô điều kiện không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước sẽ trả cho Chủ đầu tư một khoản tiền tối đa là: (ghi số tiền bảo lãnh) bằng chữ:..... sau khi nhận được:

(i) Yêu cầu đòi tiền đầu tiên bằng văn bản của Chủ đầu tư (do người đại diện có thẩm quyền ký) ghi rõ nghĩa vụ mà Nhà thầu đã không thực hiện đúng theo quy định trong Hợp đồng;

(ii) Bản gốc Thư bảo lãnh này;

Trách nhiệm của Chúng tôi theo Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn tối đa trong số tiền (ghi số tiền bảo lãnh) và trách nhiệm này sẽ giảm dần tương ứng với trách nhiệm Nhà thầu đã thực hiện và bảo lãnh Ngân hàng đã được thực hiện (nếu có).

Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày/...../..... đến hết ngày/...../..... (... ngày kể từ ngày phát hành) và/hoặc đến khi Nhà thầu bàn giao, đưa vào sử dụng, tùy theo điều kiện nào đến sau.

Mọi yêu cầu thanh toán của Chủ đầu tư liên quan đến Thư bảo lãnh này phải được gửi đến trụ sở của Ngân hàng trong thời gian Thư bảo lãnh còn hiệu lực và trong thời gian làm việc của Ngân hàng.

Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Toà án có thẩm quyền để giải quyết.

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất và không có giá trị chuyển nhượng. Mọi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phải xuất trình được bản gốc Thư bảo lãnh này.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ CHÀO THẦU

Dự án: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia

Hạng mục: Thi công hạng mục đào đất, kết cấu từ móng đến mái, chống mối và xây trát ngoài nhà

Địa điểm: Hòa Lạc, Thạch Thất, TP. Hà Nội

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Công tác tạm	Hạng mục	-	Chi tiết theo Bảng 1
2	Thiết bị thi công	Hạng mục	-	Chi tiết theo Bảng 2
3	Biện pháp thi công	Hạng mục	-	Chi tiết theo Bảng 3
4	Công tác kết cấu	Hạng mục	-	Chi tiết theo Bảng 4
A	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)		-	A=(1+2+3+4)
B	VAT 10%		-	B=A*10%
C	TỔNG CỘNG (BAO GỒM VAT)		-	C=A+B

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

BẢNG CHI TIẾT CHÀO GIÁ PHẦN CÔNG TÁC TẠM

Dự án: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia

Hạng mục: Thi công hạng mục đào đất, kết cấu từ móng đến mái, chống mối và xây trát ngoài nhà

Địa điểm: Hòa Lạc, Thạch Thất, TP. Hà Nội

STT	MÔ TẢ CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	K.LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VND)	THÀNH TIỀN (VND)	GHI CHÚ
I	Chi phí cố định				-	
1	Văn phòng nhà thầu	Hạng mục	1,00	-	-	
2	Kho bãi công trường	Hạng mục	1,00	-	-	
3	Chi phí điện nước tạm	Hạng mục	1,00	-	-	
4	Bãi tập kết vật tư, thiết bị	Hạng mục	1,00	-	-	
5	Chi phí an toàn lao động	Hạng mục	1,00	-	-	
6	Thí nghiệm vật liệu	Hạng mục	1,00	-	-	
7	Vệ sinh bàn giao công trường	Hạng mục	1,00	-	-	
8	Chi phí khác	Hạng mục	1,00	-	-	
II	Chi phí hàng tháng				-	
1	Văn phòng nhà thầu	Hạng mục	1,00	-	-	
	<i>Thuê container 40 (ft)</i>	<i>Tháng</i>			-	
	<i>Văn phòng phẩm</i>	<i>Tháng</i>			-	
	<i>Nước uống hàng tháng</i>	<i>Tháng</i>			-	
	<i>Thuê máy photo</i>	<i>Tháng</i>			-	
2	Chi phí điện, nước, internet, điện thoại hàng tháng	Hạng mục	1,00	-	-	
	<i>Chi phí điện cầu thấp - 2 cầu thấp</i>	<i>Tháng</i>			-	
	<i>Chi phí điện vận thăng - 2 vận thăng</i>	<i>Tháng</i>			-	
	<i>Chi phí điện tiêu thụ hàng tháng</i>	<i>Tháng</i>			-	
	<i>Chi phí nước tiêu thụ hàng tháng</i>	<i>Tháng</i>			-	
3	Chi phí lán trại công nhân	Hạng mục	1,00	-	-	
4	Chi phí quản lý nhà thầu	Hạng mục	1,00	-	-	
5	Công nhân vệ sinh công trường	Hạng mục	1,00	-	-	
6	Các chi phí khác	Hạng mục	1,00	-	-	
TỔNG CỘNG CHI PHÍ (CHƯA BAO GỒM VAT)						

- Nhà thầu liệt kê theo chi phí thực tế dự kiến phải chi trả.

BẢNG CHI TIẾT CHÀO GIÁ PHẦN THIẾT BỊ

Dự án: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia

Hạng mục: Thi công hạng mục đào đất, kết cấu từ móng đến mái, chống mối và xây trát ngoài nhà

Địa điểm: Hòa Lạc, Thạch Thất, TP. Hà Nội

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THỜI GIAN (tháng)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ	
1	Cầu tháp	Hạng mục	2,00	#DIV/0!		-		
	Thiết kế và thẩm tra móng cầu tháp	Hạng mục	2,00			-		
	Kiểm định cầu tháp	Hạng mục	2,00			-		
	Lắp dựng cầu tháp - Tháo dỡ	Hạng mục	2,00			-		
	Thuê. khấu hao và bảo trì cầu tháp	Hạng mục	2,00			-		
	Lương Lái cầu	Hạng mục	2,00			-		
	Chi phí vận chuyển cầu tháp đi - về	Hạng mục	2,00			-		
	Cọc móng cầu tháp	cọc					Bên A ép theo thiết kế bên B	
	Bê tông, thép móng cầu	đài	2,00					
	Phá dỡ móng cầu tháp hoàn trả mặt bằng	đài	2,00					
2	Vận thăng	Hạng mục	2,00	#DIV/0!		-		
	Kiểm định	Hạng mục	2,00			-		
	Lắp dựng - Tháo dỡ	Hạng mục	2,00			-		
	Thuê hàng tháng (bao gồm sửa chữa)	Hạng mục	2,00			-		
	Lương vận hành	Hạng mục	2,00			-		
	Chi phí vận chuyển đi - về	Hạng mục	2,00			-		
TỔNG CỘNG (CHƯA BAO GỒM VAT)								

BẢNG CHI TIẾT CHÀO GIÁ PHẦN THI CÔNG KẾT CẤU

Dự án: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia

Hạng mục: Thi công hạng mục đào đất, kết cấu từ móng đến mái, chống mối và xây trát ngoài nhà

Địa điểm: Hòa Lạc, Thạch Thất, TP. Hà Nội

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng mỗi đầu	Đơn giá trước thuế (VNĐ)			Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
				Vật tư chính	Nhân công và máy phụ, Vật tư phụ	Tổng cộng		
I	CỌC ÉP BTCT							
1	Cắt đầu cọc	cọc	5,000			-	-	
2	Gia công cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện <= 10 kg	tấn	0,941			-	-	
3	Lắp đặt cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện <= 10 kg	tấn	0,941			-	-	
4	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép đầu cọc, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	1,010			-	-	
5	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép đầu cọc, đường kính cốt thép <= 18mm	tấn	13,018			-	-	
6	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông đầu cọc, đá 1x2, mác 400	m3	59,911			-	-	
II	PHẦN MÓNG							
7	Đào móng công trình bằng máy	100m3	24,796			-	-	
8	Đào móng công trình bằng máy	100m3	7,409			-	-	
9	Đào sửa móng bằng thủ công, đất cấp III	m3	357,833			-	-	
10	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95 (100% đất tận dụng)	100m3	3,761			-	-	
11	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	m3	132,550			-	-	
12	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng > 250 cm, đá 4x6, mác 100	m3	102,617			-	-	
13	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông móng, chiều rộng móng <= 250 cm, đá 1x2, mác 400	m3	858,415			-	-	
14	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông móng, chiều rộng móng > 250 cm, đá 1x2, mác 400	m3	1.613,652			-	-	
15	Ván khuôn móng	100m2	21,636			-	-	
16	Ván khuôn móng dài	100m2	26,360			-	-	
17	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	29,543			-	-	
18	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 18mm	tấn	39,655			-	-	
19	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép > 18mm	tấn	161,786			-	-	
III	PHẦN GIẢNG TƯỜNG							
20	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 2x4, mác 100	m3	35,943			-	-	
21	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông xà dầm, giằng, sàn mái, đá 1x2, mác 250	m3	199,021			-	-	
22	Xây gạch không nung 6,5x10,5x22, xây móng, chiều dày <= 33cm, vữa XM mác 50	m3	76,105			-	-	
23	Xây gạch không nung 6,5x10,5x22, xây móng, chiều dày > 33cm, vữa XM mác 50	m3	7,316			-	-	
24	Ván khuôn giằng tường	100m2	15,126			-	-	
25	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	5,709			-	-	
26	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng, đường kính cốt thép > 18mm	tấn	32,314			-	-	
27	Khoan cấy thép bằng phụ gia khoan cấy thép 2 thành phần, đường kính D20mm	1 lỗ khoan	632,000			-	-	
IV	PHẦN CỘ CỘT							
28	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông cột, tiết diện cột > 0,1m2, chiều cao <= 28m, đá 1x2, mác 400	m3	59,043			-	-	
29	Ván khuôn cộ cột vuông	100m2	0,931			-	-	
30	Ván khuôn cộ cột tròn	100m2	2,111			-	-	
31	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cộ cột, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	4,319			-	-	
32	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cộ cột, đường kính cốt thép <= 18mm	tấn	0,448			-	-	
33	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cộ cột, đường kính cốt thép > 18mm	tấn	28,053			-	-	
V	PHẦN NỀN TẢNG 1							
34	Đổ bê tông bằng máy, bê tông lót móng, đá 2x4, mác 150	m3	652,948			-	-	
35	Đắp đất nền công trình (tận dụng đất đào còn thừa)	m3	3.202,233			-	-	
36	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95	100m3	33,974			-	-	
VI	PHẦN CỘT							
37	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng cầu cầu, bê tông cột, đá 1x2, mác 400	m3	1.793,205			-	-	
38	Ván khuôn cột vuông, chữ nhật	100m2	12,649			-	-	
39	Ván khuôn cột tròn	100m2	65,420			-	-	
40	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	70,602			-	-	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng mỗi đầu	Đơn giá trước thuế (VNĐ)			Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
				Vật tư chính	Nhân công và máy phụ, Vật tư phụ	Tổng cộng		
41	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, đường kính cốt thép <= 18mm	tấn	19,337			-	-	
42	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, đường kính cốt thép > 18mm	tấn	259,230			-	-	
43	Gia công bản mã thép vai cột	tấn	0,113			-	-	
44	Lắp đặt bản mã thép vai cột	tấn	0,113			-	-	
45	Vữa không co vai cột	m3	0,036			-	-	
VII	PHẦN VÁCH					-	-	
46	Đổ bê tông bằng máy, đồ bằng cầu cầu, bê tông tường, đá 1x2, mác 400 + chống thấm W10	m3	1.391,231			-	-	
47	Ván khuôn tường	100m2	97,698			-	-	
48	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	49,390			-	-	
49	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép <= 18mm	tấn	144,783			-	-	
50	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép > 18mm	tấn	115,177			-	-	
51	Khoan cây thép bằng phụ gia khoan cây thép 2 thành phần, đường kính thép D16mm	1 lỗ khoan	832,000			-	-	
52	Bảng cân nước O150 hoặc tương đương	m	150,000			-	-	
VIII	PHẦN DẦM					-	-	
56	Đổ bê tông bằng máy, đồ bằng cầu cầu, bê tông xà dầm, đá 1x2, mác 400	m3	2.961,927			-	-	
57	Ván khuôn xà dầm	100m2	116,737			-	-	
58	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	122,362			-	-	
59	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, đường kính cốt thép <= 18mm	tấn	20,941			-	-	
60	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, đường kính cốt thép > 18mm	tấn	483,012			-	-	
IX	PHẦN SÀN BTCT					-	-	
61	Đổ bê tông bằng máy, đồ bằng cầu cầu, bê tông sàn mái, đá 1x2, mác 400	m3	5.103,704			-	-	
62	Ván khuôn sàn mái	100m2	309,079			-	-	
63	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép sàn mái, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	478,144			-	-	
64	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép sàn mái, đường kính cốt thép > 10mm	tấn	136,992			-	-	
X	PHẦN KẾT CẤU THÉP					-	-	
65	Đổ bê tông bằng máy, đồ bằng cầu cầu, bê tông xà dầm, giằng, sàn mái, đá 1x2, mác 400	m3	491,084			-	-	
66	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép sàn mái, đường kính cốt thép > 10mm	tấn	63,088			-	-	
78	Bảng cân nước O150 hoặc tương đương	m	249,034			-	-	
XI	PHẦN GIĂNG LANH TÔ					-	-	
79	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, đá 1x2, mác 250	m3	241,025			-	-	
80	Ván khuôn giằng, lanh tô	100m2	24,924			-	-	
81	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông trụ tường, đá 1x2, mác 250	m3	176,740			-	-	
82	Ván khuôn trụ tường	100m2	35,625			-	-	
83	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	3,520			-	-	
84	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng, đường kính cốt thép <= 18mm	tấn	23,061			-	-	
85	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép trụ tường, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	5,549			-	-	
86	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép trụ tường, đường kính cốt thép <= 18mm	tấn	24,649			-	-	
XII	PHẦN THANG BỘ					-	-	
87	Đổ bê tông bằng máy, đồ bằng máy bơm bê tông, bê tông xà dầm, giằng, sàn mái, đá 1x2, mác 250	m3	221,328			-	-	
88	Ván khuôn thang bộ	100m2	26,894			-	-	
89	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cầu thang, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	11,954			-	-	
90	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cầu thang, đường kính cốt thép > 10mm	tấn	6,643			-	-	
91	Khoan cây thép bằng phụ gia khoan cây thép 2 thành phần, đường kính thép D8mm	1 lỗ khoan	1.112,000			-	-	
92	Khoan cây thép bằng phụ gia khoan cây thép 2 thành phần, đường kính thép D10mm	1 lỗ khoan	1.450,000			-	-	
93	Khoan cây thép bằng phụ gia khoan cây thép 2 thành phần, đường kính thép D16mm	1 lỗ khoan	312,000			-	-	
94	Khoan cây thép bằng phụ gia khoan cây thép 2 thành phần, đường kính thép D18mm	1 lỗ khoan	84,000			-	-	
95	Khoan cây thép bằng phụ gia khoan cây thép 2 thành phần, đường kính thép D20mm	1 lỗ khoan	96,000			-	-	
XIII	BỂ PCCC					-	-	
96	Đào móng công trình bằng máy	100m3	0,902			-	-	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng mỗi đầu	Đơn giá trước thuế (VNĐ)			Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
				Vật tư chính	Nhân công và máy phụ, Vật tư phụ	Tổng cộng		
97	Đào móng cột, trụ, hồ kiểm tra bằng thủ công, rộng > 1m, sâu > 1m, đất cấp II	m3	10,022			-	-	
98	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95	100m3	0,210			-	-	
99	Vận chuyển đất thừa trong phạm vi 1000m, đất cấp III	100m3	0,792			-	-	
100	Vận chuyển đất thừa 2km tiếp theo, đất cấp III	100m3	0,792			-	-	
101	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng > 250 cm, đá 2x4, mác 100	m3	15,024			-	-	
102	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông móng, đá 1x2, mác 250	m3	64,214			-	-	
103	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông tường bê, đá 1x2, mác 250	m3	88,418			-	-	
104	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông xà dầm, nắp bê, đá 1x2, mác 250	m3	22,823			-	-	
105	Ván khuôn dáy bê	100m2	0,755			-	-	
106	Ván khuôn thành bê	100m2	6,174			-	-	
107	Ván khuôn nắp bê	100m2	1,634			-	-	
	<i>Cốt thép dáy bê</i>					-	-	
108	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép dáy bê, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	0,091			-	-	
109	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép dáy bê, đường kính cốt thép <= 18mm	tấn	8,011			-	-	
	<i>Cốt thép vách bê</i>					-	-	
110	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	0,500			-	-	
111	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép <= 18mm	tấn	7,746			-	-	
112	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép > 18mm	tấn	1,775			-	-	
	<i>Cốt thép nắp bê</i>					-	-	
113	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép nắp bê, đường kính cốt thép <= 10mm	tấn	0,057			-	-	
114	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép nắp bê, đường kính cốt thép > 10mm	tấn	0,167			-	-	
XIV	HOÀN THIỆN BÊ					-	-	
115	Làng nền sàn không đánh mẫu, dày 1,5cm, vữa XM mác 100	m2	176,328			-	-	
116	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 100	m2	237,820			-	-	
117	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 100	m2	390,390			-	-	
118	Bảng cân nước V20 hoặc tương đương	m	48,200			-	-	
119	Nắp bê PCCC KT 1000x1000 bằng Inox 304 dày 2mm	cái	4,000			-	-	
XV	Xây, trát ngoài nhà					-	-	
120	Xây tường thẳng gạch bê tông (20x13x39)cm, chiều dày 20cm, vữa XM mác 75	m3	616,820			-	-	
121	Khoan cắm thép D8 L=380mm a500mm dùng chằng kết dính liên kết tường xây và cột bê tông	lỗ	2.100,000					
122	Căng lưới chống nứt trát vị trí tiếp giáp tường xây và cột, vách, dầm	m2	200,000					
123	Trát tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường, trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	3.084,100			-	-	
124	Trát xà dầm ngoài nhà, dày 2cm vữa XM mác 75	m2	2.726,856			-	-	
125	Trát gờ móc nước, vữa XM mác 75	m	15,520			-	-	
	TỔNG CỘNG (CHƯA BAO GỒM VAT)							

BẢNG CHI TIẾT CÁCH TÍNH KHỐI LƯỢNG

Dự án: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia

Hạng mục: Thi công hạng mục đào đất, kết cấu từ móng đến mái, chống mối và xây trát ngoài nhà

Địa điểm: Hòa Lạc, Thạch Thất, TP. Hà Nội

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Cách tính	Ghi chú
1	Bê tông	m3	Kích thước hình học theo thiết kế	
2	Thép	tấn	Bóc theo bản vẽ hoàn công được phê duyệt	Đơn trọng thực tế
3	Ván khuôn	m2	Diện tích bề mặt bê tông tiếp xúc với ván khuôn	
4	Khối lượng đất đào	m3	Khối chặt	Theo kích thước hình học
5	Khối lượng chuyên đi	m3	Bằng khối lượng đào trừ khối lượng đắp	Theo kích thước hình học
6	Khối lượng đắp	m3	Khối chặt	Theo kích thước hình học
7	Tường xây	m3	m2 tường x chiều rộng tường xây	
8	Tường trát	m2	Diện tích bề mặt trát	
9	Phạm vi trát ngoài	m2	Tính hết các má cửa, gờ và gấp vào mép trong 5 cm	
10	Diện tích giáo ngoài	m2	Chu vi công trình x chiều cao công trình	Diện tích mặt ngoài công trình